TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 8 – CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 165/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 31-12-2025
V/v ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 – CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Ngọc Nhiều

*Các Hội thẩm nhân dân:*1. Ông Nguyễn Minh Hoàng

2. Ông Nguyễn Văn Tịnh

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Kiều Anh, Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 8 – Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 8 – Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Mộng Đẹp, Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 8 – Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 286/2025/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2025 về ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 147/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 11 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lương Hồng N, sinh năm 1981 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp H, xã L, tỉnh Cà Mau.

Căn cước công dân số: 095181000951; Nơi cấp: Bộ C1

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1978 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp H, xã L, tỉnh Cà Mau.

Căn cước công dân số: 095078006427; Nơi cấp: Bộ C1

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 15 tháng 9 năm 2025 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Lương Hồng N, trình bày: Vào năm 2012, bà N và ông Nguyễn Văn C xây dựng hôn nhân với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu (nay là Ủy ban nhân dân xã L, tỉnh Cà Mau) và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 148, quyển số 01/2012 ngày 10 tháng 5 năm 2012. Vợ chồng bà chung sống hạnh phúc bên nhau thời gian đầu. Tuy nhiên từ khoảng năm 2014, vợ chồng bà N và ông C dần phát sinh mâu thuẫn, tuy đã nhiều lần đôi bên tự hòa giải, hàn gắn tình cảm

nhưng không có kết quả dẫn đến việc bà N và ông C sống ly thân với nhau khoảng mười năm nay.

Trong thời gian sống ly thân, vợ chồng bà đều không có biện pháp gì để giải quyết mâu thuẫn và hàn gắn tình cảm. Nay bà N yêu cầu được ly hôn với ông C.

Bà N và ông C chung sống với nhau sinh được 02 (hai) người con chung là Nguyễn Nhật D, sinh ngày 13/3/2001 và Nguyễn Thảo Q, sinh ngày 13/9/2005. Nay các con chung của bà và ông C đều đã trưởng thành, có cuộc sống riêng nên khi ly hôn bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết. Trong thời gian chung sống, bà N và ông C không tạo lập được tài sản chung cũng như không phát sinh nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với ý kiến trình bày của bị đơn ông Nguyễn Văn C: Tòa án nhân dân Khu vực 8 – Cà Mau đã tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án và triệu tập ông C đến Tòa án, nhưng ông C không đến Tòa án làm việc, không thực hiện việc gửi văn bản thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của bà N cũng như không cung cấp bất kỳ tài liệu, chứng cứ gì liên quan đến vụ án nên Tòa án không thể ghi nhận ý kiến, yêu cầu của ông C. Do đó, Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do bà N cung cấp và do Tòa án thu thập được để làm cơ sở giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 8 – Cà Mau phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký phiên tòa, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và quan điểm giải quyết vụ án như sau:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Thư ký phiên tòa và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự; riêng bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 57 Luật Hôn nhân và Gia đình: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà N đối với ông C, xử cho bà N được ly hôn với ông C. Về con chung, đã trưởng thành nên không đặt ra xem xét. Về tài sản chung và nợ chung không có và không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết. Bà N phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền: Bà Lương Hồng N yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn C và ông C có địa chỉ tại ấp H, xã L, tỉnh Cà Mau nên Tòa án nhân dân Khu vực 8 – Cà Mau thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Tòa án nhân dân Khu vực 8 – Cà Mau đã triệu tập ông C tham gia phiên tòa hợp lệ lần thứ hai, nhưng cả hai lần ông C đều vắng mặt không có lý do, bà N có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà N và ông C.

[3] Về hôn nhân: Bà N và ông C xây dựng hôn nhân với nhau vào năm 2012, cả hai đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu (nay là Ủy ban nhân dân xã L, tỉnh Cà Mau) và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 148, quyển số 01/2012 ngày 10 tháng 5 năm 2012 nên hôn nhân giữa bà N và ông C là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[4] Theo lời khai của bà N, nguyên nhân mâu thuẫn xuất phát từ việc qua thời gian vợ chồng chung sống, bà N nhận ra tính cách của bà và ông C không phù hợp, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn khi bàn bạc, quyết định các vấn đề chung trong cuộc sống. Mặc dù cả hai đã nhiều lần trao đổi để khắc phục mâu thuẫn nhưng không có kết quả. Do vậy bà N và ông C đã sống ly thân với nhau nhiều năm nay. Trong thời gian sống ly thân, vợ chồng bà cũng không có động thái nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Phía ông C cũng không thể hiện ý kiến, yêu cầu của mình đối với yêu cầu ly hôn của bà N mà có thái độ bỏ mặc, không đến Tòa án hòa giải khi được triệu tập. Qua nội dung biên bản xác minh tại địa phương thể hiện bà N và ông C đã không còn sống chung với nhau, điều này phù hợp với lời khai của bà N và cũng phản ánh thực trạng mâu thuẫn trong hôn nhân giữa bà N và ông C.

Hội đồng xét xử xét thấy, hôn nhân tồn tại bền vững phải dựa trên cơ sở tự nguyện, vợ chồng phải biết yêu thương, chăm sóc giúp đỡ lẫn nhau cùng nhau chia sẻ, xây dựng gia đình phát triển nhưng từ những chứng cứ trên cho thấy, quan hệ hôn nhân giữa bà N và ông C đã phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không còn duy trì, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà N yêu cầu được ly hôn với ông C là có cơ sở. Do đó, căn cứ vào Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà N đối với ông C, xử cho bà N được ly hôn với ông C.

[5] Về con chung: Bà N và ông C sinh được 02 (hai) người con chung là Nguyễn Nhật D, sinh ngày 13/3/2001 và Nguyễn Thảo Q, sinh ngày 13/9/2005. Bà N xác định, hiện nay các con chung đã trưởng thành, không bị khiếm khuyết về tinh thần và thể chất, có thể tự lao động để kiếm sống nên bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Bà N xác định giữa bà và ông C chung sống không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông C cũng không thể hiện ý kiến có tranh chấp và yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung, con chung với bà N nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[7] Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và Gia đình, bà N phải nộp 300.000 đồng. Bà N đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án

phí, lệ phí Tòa án số 0000569 ngày 30 tháng 9 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau nên được chuyển thu án phí.

[7] Các quan điểm đề xuất việc giải quyết vụ án của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 8 – Cà Mau tại phiên tòa, như đã phân tích, là có căn cứ nên cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 51, 56, 57 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 1 Điều 24 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Lương Hồng N đối với ông Nguyễn Văn C. Xử cho bà Lương Hồng N được ly hôn với ông Nguyễn Văn C.

2. Về con chung: Đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có và không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

4. Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình bà Lương Hồng N phải nộp 300.000 đồng. Bà N đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000569 ngày 30 tháng 9 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau nên được chuyển thu án phí.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời gian 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND KV8 - CM;
- Phòng THADS KV8 - CM;
- UBND xã L;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

Huỳnh Ngọc Nhiều